

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-PT

Ngày 05- 4 - 2022

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021, về việc “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Phước Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Phước Th: Bà Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Phước Th: Bà E là Luật sư của Công ty G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Đồng bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

2. Bà Phạm Kim D, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Tiêu Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Huỳnh Ngọc D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Phước Th trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do anh Lê Phước Th nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Th vào năm 2019 với diện tích là 2.333m², đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu và anh Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/10/2019, quyền sử dụng đất hiện nay không có thể chấp vay. Do phần đất nhận chuyển nhượng liền kề với phần đất của bà Phạm Kim D và ông Nguyễn Văn H nên phía bà D và ông H đã lấn chiếm phần đất diện tích 696,8m² và đập phá phần hàng rào gây thiệt hại. Nay, anh Th yêu cầu bà D và ông H trả lại diện tích đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 694,6 m² và bồi thường thiệt hại hàng rào số tiền là 1.500.000 đồng.

- Theo bà Phạm Kim D là bị đơn trình bày: Phần đất đang tranh chấp với anh Lê Phước Th trước đây là của cha chồng bà tên Nguyễn Văn B cho chồng bà là ông Nguyễn Văn H vào khoảng năm 1991 với diện tích là 6,5 công tầm cây và đôi đất cho vợ chồng bà diện tích 01 công 10 tầm cho liền ranh để tiện sử dụng. Ngoài ra, ông B có cho em ruột ông H là bà Nguyễn Thị Th diện tích đất liền kề chiều ngang 10m cặp ranh với bà Nguyễn Thị Th, chiều dài thì bà không nhớ. Đến năm 2019, bà Th chuyển nhượng lại cho anh Th chiều ngang 09m, chiều dài bà không biết. Khi bà Th chuyển nhượng đất cho anh Th thì bà không biết, sau đó, bà Th có kêu bà ra chỉ ranh đất giữa hai bên, lúc đó bà có ra trực tiếp chỉ ranh cho hai bên. Tuy nhiên, lúc đó bà cũng không xác định được cụ thể nên chỉ vào cột mốc để xác định. Đến năm 2020, phía anh Th làm hàng rào. Bà D cho rằng anh Th đã làm hàng rào lấn sang phần đất của gia đình bà nên bà đã đập phá một đoạn hàng rào của anh Th khoảng 06m. Từ đó, hai bên phát sinh tranh chấp. Phần đất đang tranh chấp đã được bà D đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 2008 nên bà và ông H không đồng ý trả diện tích đất đo đạc thực tế là 694,6 m² và bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho anh Th. Ngoài ra, bà D không còn ý kiến trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tiêu Thị L trình bày: Vào năm 2019, chị và chồng chị là anh Lê Phước Th có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Th diện tích là 2.333m², đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng chị đã trả đủ tiền cho bà Th. Nay chị thống nhất toàn bộ nội dung khởi kiện của anh Th đối với ông H và bà D đòi diện tích đất theo đo đạc thực tế và bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000 đồng.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 165; khoản 1 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước Th đối với ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D đòi diện tích đất 694,6m² và bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D trả lại cho anh Lê Phước Th và chị Tiêu Thị L diện tích đất là 694,6m², tại một phần thửa số 548, tờ bản đồ số 23 và một phần thửa 546, tờ bản đồ số 23 quyền sử dụng đất do anh Lê Phước Th và chị Tiêu Thị L đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Chùa Phật, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Phần đất tranh chấp có diện tích 694,6m², có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng đông giáp với lộ Lê Thị Riêng có số đo 0m;
- + Hướng tây giáp với phần đất của bà Phạm Kim D có số đo 06m;
- + Hướng Nam giáp với đất của bà Phạm Kim D có số đo 232,25m;
- + Hướng Bắc giáp với đất của ông Lê Phước Th có số đo 231,86m.

- Buộc bà Phạm Kim D phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lê Phước Th, chị Tiêu Thị L số tiền 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2021, bị đơn bà Phạm Kim D kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Kim D giữ nguyên kháng cáo.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: sau khi phân tích các chứng cứ của nguyên đơn và viện dẫn các quy định pháp luật, Luật sư đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác toàn bộ kháng cáo của bà D, giữ y án sơ thẩm của Tòa án huyện B, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th đòi bà D, ông H giao trả diện tích đất 694,6m² và buộc bà D bồi thường thiệt hại 1.500.000 đồng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ

nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Phước Th là bà Huỳnh Ngọc D và bị đơn bà Phạm Kim D có mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị L vắng mặt. Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị L đã có đơn xin vắng mặt tại Tòa án. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị L.

[3] Về nội dung: Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2020 (Bút lục 77-79) và Mảnh trích đo địa chính thửa đất ngày 18/01/2021 (Bút lục 87) thể hiện diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của ông Lê Phước Th đo đạc thực tế, có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng đông giáp với lộ Lê Thị Riêng có số đo 0m;
- + Hướng tây giáp với phần đất của bà Phạm Kim D có số đo 06m;
- + Hướng Nam giáp với đất của bà Phạm Kim D có số đo 232,25m;
- + Hướng Bắc giáp với đất của ông Lê Phước Th có số đo 231,86m.

Tổng diện tích là 694,6m², tại một phần thửa số 548 tờ bản đồ số 23 và một phần thửa 546, tờ bản đồ số 23.

[4] Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Th chuyển nhượng lại cho anh Lê Phước Th với diện tích chiều ngang là 09 mét, chiều dài khoảng 219 mét. Khi bà Th tiến hành chuyển nhượng đất cho anh Th có đo đạc đất cụ thể, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Kim D vợ của ông Nguyễn Văn H và hai bên đã tiến hành cắm mốc ranh giới cho phía anh Th. Trong tổng diện tích 694,6m² đất tranh chấp có 677,9m² là một phần của thửa số 548, tờ bản đồ số 23 và 16,7m² là một phần thửa 546, tờ bản đồ số 23. Anh Lê Phước Th và chị Tiêu Thị L đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/10/2019 đối với thửa số 548, tờ bản đồ số 23 và được Ủy ban nhân dân

huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/10/2019 đối với thửa số 546, tờ bản đồ số 23 có bao gồm diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[5] Xét thấy, các đương sự đều thống nhất thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Th chuyển nhượng cho anh Lê Phước Th, khi anh Th nhận chuyển nhượng có đo đạc giao đất cụ thể, có chỉ ranh mốc đất là trụ đá giữa phần đất của bà Th (chuyển nhượng cho anh Th) và đất của ông H, bà D, chính bà D thừa nhận bà có trực tiếp chỉ ranh đất giữa hai bên, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự thừa nhận này của bà D, anh Th phù hợp với lời khai người làm chứng là bà Nguyễn Thị L (Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2021), bà L khẳng định khi tiến hành chuyển nhượng đất cho anh Th có đo đạc cụ thể, có sự chứng kiến của bà Phạm Kim D và hai bên đã tiến hành cắm ranh giới mốc cho phía anh Th, do bà là cán bộ phòng Tài nguyên môi trường huyện B, đồng thời là người trong gia đình nên khi bà Th chuyển nhượng đất và giao đất cho anh Th thì bà có trực tiếp chứng kiến để hai bên thống nhất ranh và giao đất đúng vị trí, do đó, bà L xác định việc anh Th nhận chuyển nhượng đất của bà Th là hoàn toàn đúng vị trí và diện tích đất không có lấn đất của ông H và bà D.

[6] Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021, bà Nguyễn Thị Th là người chuyển nhượng đất cho anh Th cũng khẳng định khi tiến hành chuyển nhượng đất cho anh Th có đo đạc cụ thể, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Kim D vợ của ông H và hai bên đã tiến hành cắm ranh giới mốc cho phía anh Th, do bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật nên việc bà chuyển nhượng đất cho anh Th và anh Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn hợp pháp, do đó, bà Th xác định việc ông Hòa và bà D cho rằng diện tích đất 694,6m² là của ông H, bà D là hoàn toàn không có căn cứ.

[6] Xét kháng cáo của bà D không đồng ý với án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Th: Như đã phân tích trên, xét về nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều thể hiện phần đất tranh chấp anh Th đã nhận chuyển nhượng hợp pháp từ bà Nguyễn Thị Th và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ công văn số 102 ngày 28/6/2021 của Phòng tài nguyên môi trường và công văn số 91 ngày 04/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã xác định việc cấp đất cho anh Th và chị L là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Qua kết quả đo đạc thực tế tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, diện tích 694,6m² đất tranh chấp được xác định nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Phước Th và bà Tiêu Thị L tại một phần thửa số 548 tờ bản đồ số 23 và một phần thửa 546, tờ bản đồ số 23, không có diện tích nào nằm trong các thửa đất 392, 393, 394 như lời trình bày của bà D.

[7] Tại cấp phúc thẩm, bà D yêu cầu đo đạc lại toàn bộ diện tích đất anh Th nhận chuyển nhượng của bà Th và phần đất tranh chấp để có căn cứ chính

xác khi giải quyết vụ án. Ngày 11/01/2022, Tòa án tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp và kết quả thể hiện tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2022 và Mảnh trích đo địa chính ngày 26/01/2022, như sau:

- Phần đất bà Th chuyển nhượng cho anh Th (có sự chứng kiến trực tiếp và thống nhất của bà Nguyễn Thị Th và con trai bà Th là anh Nguyễn Văn Ch):

+ Hướng Đông giáp lộ Lê Thị Riêng (lề đường), có số đo 09m;

+ Hướng Tây giáp đất bà Phạm Kim D và ông Nguyễn Văn H, có số đo 09m;

+ Hướng Nam giáp đất bà Phạm Kim D và ông Nguyễn Văn H, có số đo 24,1m + 208,15m (đã trừ lề đường 0,5m);

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Ch (con bà Nguyễn Thị Th), có số đo 24,1m + 207m (đã trừ lề đường 0,5m).

Diện tích thực tế là 2.079,4 m².

- Phần đất tranh chấp giữa anh Th và bà D, ông H (Nằm trong diện tích anh Th nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Th):

+ Hướng Đông giáp lộ Lê Thị Riêng (lề đường 0,5m), có số đo 0m;

+ Hướng Tây giáp đất bà Phạm Kim D và ông Nguyễn Văn H, có số đo 06m;

+ Hướng Nam giáp đất bà Phạm Kim D và ông Nguyễn Văn H, có số đo 24,1m + 208,15m (đã trừ lề đường 0,5m);

+ Hướng Bắc giáp đất không tranh chấp của anh Lê Phước Th, có số đo 196,06m + 36,11m (đã trừ lề đường 0,5m).

Diện tích thực tế là 696,6 m².

[9] Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2022, tất cả các đương sự bà D (đại diện theo ủy quyền của anh Th), bà D và bà Th, anh Ch đều thống nhất kết quả đo đạc, thống nhất về diện tích đất tranh chấp và đồng ý ký tên vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ. Xét thấy, diện tích đất tranh chấp đo đạc ngày 11/01/2022 là 696,6m² có sự thay đổi không đáng kể đối với số đo cạnh phía Bắc, số đo ở cấp sơ thẩm là 231,86m, số đo ở cấp phúc thẩm là 232,17m, diện tích được đo đạc vẫn đúng vị trí đất tranh chấp và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu (theo đơn khởi kiện anh Th yêu cầu đòi diện tích 696,8m²). Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm đã giải quyết diện tích đất đo đạc thực tế là 694,6 m² và cạnh phía Bắc cũng là cạnh giáp phần đất không tranh chấp của anh Lê Phước Th, tức là nằm trong diện tích đất anh Th mua của bà Th. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và Luật sư của nguyên đơn thống nhất xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả diện tích đo đạc thực tế theo bản án sơ thẩm đã tuyên với số đo là 694,6m². Do đó, cần giữ nguyên diện tích đất tranh chấp đã được đo đạc, giải quyết tại cấp sơ thẩm để đảm bảo phạm vi xét xử phúc thẩm và không làm ảnh hưởng quyền lợi các đương sự.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, bà D tiếp tục cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất bà đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng không nêu được căn cứ chứng minh, trong khi cơ quan chuyên môn khi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2022 đã xác định rõ tại Mảnh trích đo địa chính số 62-2022 ngày 26/01/2022: trong tổng diện tích đất tranh chấp 696,6m² có 679,8m² đất thuộc một phần thửa 548, tờ bản đồ số 23 và 16,8m² đất thuộc một phần thửa 546, tờ bản đồ số 23. Hai thửa đất 546 và 548, tờ bản đồ số 23 đều là các thửa đất ông Lê Phước Th và bà Tiêu Thị L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Phạm Kim D.

[11] Chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng là 8.539.170 đồng, yêu cầu của ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D không được Tòa án chấp nhận nên ông Hòa, bà D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này theo quy định tại khoản 1 Điều 157; Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Phước Th đã dự nộp số tiền 4.372.790 đồng và đã chi hết nên buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Th số tiền 4.372.790 đồng, bà D đã dự nộp số tiền 4.166.380 đồng và đã chi hết không được hoàn lại.

[12] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã phân tích trên, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[13] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của bà Phạm Kim D; Giữ nguyên Bản án số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[14] Về án phí: do bà Phạm Kim D bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[15] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Kim D; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 165, khoản 1 Điều 228; Điều 271

của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước Th đối với ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D đòi diện tích đất 694,6m² và bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D trả lại cho anh Lê Phước Th và chị Tiêu Thị L diện tích đất là 694,6m², tại một phần thửa số 548 tờ bản đồ số 23 và một phần thửa 546, tờ bản đồ số 23 quyền sử dụng đất do anh Lê Phước Th và chị Tiêu Thị L đứng tên, đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Phần đất tranh chấp có diện tích 694,6m², có vị trí và số đo như sau:

- + Hướng Đông giáp với lộ Lê Thị Riêng có số đo 0m;
- + Hướng Tây giáp với phần đất của bà Phạm Kim D có số đo 06m;
- + Hướng Nam giáp với đất của bà Phạm Kim D có số đo 232,25m;
- + Hướng Bắc giáp với đất của ông Lê Phước Th có số đo 231,86m.

3. Buộc bà Phạm Kim D phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lê Phước Th, chị Tiêu Thị L số tiền 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D phải chịu tổng cộng 8.539.170 đồng. Bà Phạm Kim D đã dự nộp số tiền 4.166.380 đồng và đã chi hết không được hoàn lại.

Anh Lê Phước Th đã dự nộp số tiền 4.372.790 đồng và đã chi hết. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Lê Phước Th số tiền 4.372.790 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Kim D phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Anh Lê Phước Th đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai thu số 0010200 ngày 01/10/2020 được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Phạm Kim D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002673 ngày 02/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không được hoàn lại.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện B (01 bản);
- CCTHADS huyện B (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Luật sư (01 bản)
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt